

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **19/2025/HNGĐ-PT**
Ngày: 09 – 7 – 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hồng, bà Lưu Thị Thu Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Chi - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2025/HNGĐ-PT ngày 15/5/2025 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Do Bản án sơ thẩm số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 17/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐPT-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 13/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị M, sinh năm 1990 (có mặt); Địa chỉ: Thôn K, xã D, tỉnh Đắk Lắk;

- **Bị đơn:** Ông Trần Đình T, sinh năm 1985 (có mặt); Địa chỉ: 61B Thôn K, xã D, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T: Bà Đỗ Thị Hằng N (có mặt) – Luật sư, thuộc Công ty Luật TNHH MTV Đ, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Căn hộ A. DV01, tầng 01, toà nhà khu A, dự án Phát triển nhà ở xã hội, đường T1, phường T2, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người kháng cáo:** Ông Trần Đình T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, bà Trần Thị M trình bày:

Tôi và ông Trần Đình T là người thân quen, có thời gian tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 11/6/2015 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống

tại nhà của ông T tại thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên hay xảy ra cãi vã, xô xát đánh nhau nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Cảm thấy không còn tình cảm với ông Trần Đình T nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung là cháu Trần Khánh A, sinh ngày 06/4/2016 và cháu Trần Ngọc Khánh Q, sinh ngày 04/4/2017. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Đình T trình bày:

Tôi và bà Trần Thị M tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn như bà M trình bày là đúng. Quá trình chung sống chúng tôi có xảy ra mâu thuẫn do bà M có mối quan hệ ngoài luồng với người khác. Nay bà M làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi không đồng ý vì muốn gia đình đoàn tụ để cùng nhau nuôi dưỡng con chung, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà M.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung là cháu Trần Khánh A, sinh ngày 06/4/2016 và cháu Trần Ngọc Khánh Q, sinh ngày 04/4/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết để vợ chồng tôi ly hôn thì tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 17/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 58; 81; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị M được ly hôn với ông Trần Đình T.

2. Về con chung:

Giao cháu Trần Khánh A, sinh ngày 06/4/2016 cho bà Trần Thị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Giao cháu Trần Ngọc Khánh Q, sinh ngày 04/4/2017 cho ông Trần Đình T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi)

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/3/2025, bị đơn ông Trần Đình T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giao cháu Trần Khánh A (sinh năm 2016) và cháu Trần Ngọc Khánh Q (sinh năm 2017) cho ông T nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án cũng như các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình T và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 17/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn luật định và đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc

thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị M không rút đơn khởi kiện và bị đơn ông Trần Đình T không rút đơn kháng cáo. Đồng thời, các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình T, Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy:

Ông T cho rằng bà M có nhiều mối quan hệ tình cảm bên ngoài, sử dụng chất kích thích và bị trầm cảm nên ông T đề nghị Toà án xem xét giao cho ông T nuôi cháu Trần Khánh A (sinh ngày 06/4/2016) và cháu Trần Ngọc Khánh Q (sinh ngày 04/4/2017). Tuy nhiên, ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh các nội dung trên. Mặt khác, ông T hiện đang làm nông và ở chung nhà với bố mẹ và một số anh chị em khác của ông T; trong khi đó, bà M kinh doanh hoa tiệc cưới, có thu nhập ổn định, có khả năng nuôi con và đảm bảo quyền lợi cho con.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu A và cháu Q đều có nguyện vọng được ở với ông T nhưng xét thấy cả 02 cháu đều là con gái nên cần giao một cháu cho bà M chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của con chung.

Do đó, Toà án cấp sơ thẩm giao cháu Trần Khánh A cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc và giao cháu Trần Ngọc Khánh Q cho ông T tiếp tục trông nom, chăm sóc là phù hợp.

[3] Về án phí: Ông Trần Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình T;
- Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 17/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk;

Tuyên xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 58; 81; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về con chung:

- Giao cháu Trần Khánh A, sinh ngày 06/4/2016 cho bà Trần Thị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Giao cháu Trần Ngọc Khánh Q, sinh ngày 04/4/2017 cho ông Trần Đình T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có cơ sở cho rằng người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện để đảm bảo việc nuôi dạy con chung.

[2] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Trần Đình T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 006898 ngày 27/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm - TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 5 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 5 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đình Triết